

Số: ~~1562~~.../QĐ-CT397

Đông Triều, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu: Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Công ty cổ phần 397 về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-CT397 ngày 10/8/2023 của Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch;

Căn cứ tờ trình ngày 14/8/2023 của phòng KTAT Công ty cổ phần 397 về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch;

Theo đề nghị của phòng Kỹ thuật an toàn Công ty cổ phần 397.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Bản yêu cầu báo giá gói thầu Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch, cụ thể như sau:

Tên gói thầu: Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch.

Nội dung cụ thể theo Bản yêu cầu báo giá đính kèm.

Điều 2. Giao cho phòng Kỹ thuật an toàn phát hành Bản yêu cầu Báo giá theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, Phòng Kỹ thuật an toàn, tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KTAT. N04.



GIÁM ĐỐC

Kiều Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch

Kế hoạch mua sắm: Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch

Phát hành ngày: 15/8/2023

Ban hành kèm theo Quyết định: 156.2/QĐ-CT397 ngày 15/8/2023

Bên mời thầu



Kiêu Văn Sinh

Năm 2023

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘI BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty cổ phần 397.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Mua phân bón, cây giống, trồng cây đầu xuân, trồng cây bản địa, trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I - mỏ Nam Tràng Bạch
. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu 02a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm

giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu bao gồm Mẫu 02 và 02a Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
4. Các nội dung cần thiết khác: Không

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh không muộn hơn 14h00 ngày 23/8/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào

hàng theo hình thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ www.congtycophan397.com.vn.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải thực hiện theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật
I	TRỒNG CÂY ĐÀU XUÂN (1 HA); Vị trí trồng: Bãi thải trong khu I mỏ Nam Tràng Bạch.			
1	Cây phi lao	cây	2.500	Chiều cao cây 80-:-120cm; cây xanh tốt, không cong queo, không sâu bệnh
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	500	NPK 16-16-8; 25KG/1bao
3	Dụng cụ (cuốc, xẻng, dao, thùng tưới, ô doa...) = 5% cây giống			Mới 100% chưa qua sử dụng.
II	TRỒNG CÂY BẢN ĐỊA, DIỆN TÍCH TRỒNG S=2,0HA Vị trí trồng (0,5 ha trồng tại đê chắn số 7; 1,5 ha trồng tại bãi thải ngoài Nam khu II mỏ Nam Tràng Bạch)			
1	Cây Lim	Cây	2.200	Chiều cao cây 100-:-130cm; cây xanh tốt, không cong queo, không sâu bệnh, mật độ trồng 1.100 cây/ha; đào hố trồng cây 0,4mx0,4mx0,4m; Khoảng cách giữa các hàng là 3m, khoảng cách giữa các cây là 3 m;
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	440	NPK 16-16-8; 25KG/1bao 0,2kg phân bón NPK/1 hố.
3	Nhân công trồng cây	Công	54	Lao động bậc 3, nhóm 2
III	TRỒNG CÂY XANH KHU VỰC BÃI THẢI TRONG KHU I DIỆN TÍCH 15 HA			
1	Cây phi lao		37.500	Chiều cao cây 80-:-120cm; cây xanh tốt, không cong queo, không sâu bệnh; Mật độ trồng 2.500 cây/ha, đào hố trồng cây 0,4mx0,4mx0,4m; khoảng cách giữa các hàng là 2m, Khoảng cách giữa các cây là 2m,

10	Tổng lượng phân bón	kg	7.500	NPK 16-16-8; 25KG/1bao 0,2kg phân bón NPK/1 hố.
11	Nhân công trồng cây	Công	931	Lao động bậc 3, nhóm 2

*** Yêu cầu khác:**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian thực hiện hợp đồng	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Tiến độ giao hàng	Đối với trồng cây đầu xuân: Thời gian giao cây và phân bón, dụng cụ trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
		Đối với trồng cây bản địa, và trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I, Nhà thầu chủ động về số lượng cây trồng phân bón, nhân công đảm bảo thực hiện hoàn thành các nội dung công việc trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Địa điểm giao hàng	Tại khai trường mở Nam Tràng Bạch
4	Bảo hành cây	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu.
5	Thời gian thanh toán	Trong vòng 45 ngày sau khi hoàn tất các thủ tục thanh toán
6	Hiệu lực báo giá	20 ngày kể từ ngày đóng thầu

Lưu ý: Các nhà thầu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ/năm sản xuất	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	TRỒNG CÂY ĐÀU XUÂN (1 HA); Vị trí trồng: Bãi thải trong khu I mở Nam Tràng Bạch.					
1	Cây phi lao	cây	2.500			
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	500			
3	Dụng cụ (cuốc, xẻng, dao, thùng tưới, ôroa...) = 5% cây giống					
II	TRỒNG CÂY BẢN ĐỊA, DIỆN TÍCH TRỒNG S=2,0HA Vị trí trồng (0,5 ha trồng tại đê chắn số 7; 1,5 ha trồng tại bãi thải ngoài Nam khu II mở Nam Tràng Bạch)					
1	Cây Lim	Cây	2.200			
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	440			
3	Nhân công trồng cây	Công	54			
III	TRỒNG CÂY XANH KHU VỰC BAI THAI TRONG KHU I DIỆN TÍCH 15 HA					
1	Cây phi lao		37.500			
2	Tổng lượng phân bón	kg	7.500			
3	Nhân công trồng cây	Công	931			
Tổng cộng giá chào chưa bao gồm thuế GTGT						
Thuế GTGT						
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế GTGT (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						
Bảng chữ:						

thầu

Đại diện hợp pháp của nhà

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày, trước ngày có thời điểm đóng

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;
- Căn cứ thông báo số ____ /TB-CT397 ngày tháng năm 2023 của Công ty cổ phần 397 về việc thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày tháng năm , Chúng tôi gồm có:

Đại diện chủ đầu tư: (Sau đây gọi là bên A)**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN 397**Đại diện là ông: **KIỀU VĂN SÍNH**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.2211329

Fax: 0203.3871299

Tài khoản số: 114000142030 ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Uông Bí.

Mã số thuế: 5701435907

Đại diện nhà thầu: (Sau đây gọi là bên B)**BÊN B:.....**

Đại diện ông/bà:

Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng.

Bên B Có trách nhiệm cung ứng cây giống, phân bón đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và nhân công trồng cây đảm bảo theo đúng tiến độ như sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ/năm sản xuất	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	TRỒNG CÂY ĐÀU XUÂN (1 HA); Vị trí trồng: Bãi thải trong khu I mở Nam Trảng Bạch.					
1	Cây phi lao	cây	2.500			
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	500			
3	Dụng cụ (cuốc, xẻng, dao, thùng tưới, ô doa...) = 5% cây giống					
II	TRỒNG CÂY BẢN ĐỊA, DIỆN TÍCH TRỒNG S=2,0HA Vị trí trồng (0,5 ha trồng tại đê chắn số 7; 1,5 ha trồng tại bãi thải ngoài Nam khu II mở Nam Trảng Bạch)					
1	Cây Lim	Cây	2.200			
2	Tổng lượng phân bón NPK	kg	440			
3	Nhân công trồng cây	Công	54			
III	TRỒNG CÂY XANH KHU VỰC BAI THAI TRONG KHU I DIỆN TÍCH 15 HA					
1	Cây phi lao		37.500			
10	Tổng lượng phân bón	kg	7.500			
11	Nhân công trồng cây	Công	931			

Điều 2. Thành phần Hợp đồng.

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Điều 3. Thời gian và Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian bắt đầu có hiệu lực Hợp đồng kể từ ngày hai bên ký kết và bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

- Tiến độ giao hàng:

+ Đối với trồng cây đầu xuân: Thời gian giao cây và phân bón, dụng cụ trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Đối với trồng cây bản địa, và trồng cây xanh khu vực bãi thải trong khu I, Nhà thầu chủ động về số lượng cây trồng phân bón, nhân công, đảm bảo thực hiện hoàn thành các nội dung công việc trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 4. Giá trị và loại hợp đồng

Giá trị hợp đồng: _____

Bằng chữ:.....

Ghi chú: Giá đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển

Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên B phải nộp cho bên A một bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 2% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền là _____ đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo một trong các cách sau:

+ Bảo đảm bằng tiền mặt.

+ Chuyển khoản

+ Bảo đảm do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả lại cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

- Trường hợp Bên B không thực hiện Bảo đảm thực hiện hợp thì Hợp đồng bị hủy khi đó Bên A có quyền tổ chức lựa chọn Nhà thầu khác

- Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện Hợp đồng khi không thực hiện theo đúng Hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp Bên B đảm bảo thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt, Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B không chậm hơn 20 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản nghiệm thu và giao nhận hàng hóa và biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 6. Phương thức và hình thức thanh toán:

Trong vòng 45 ngày Kể từ ngày Bên B giao đủ hàng và chứng từ theo quy định bên A thanh toán toàn bộ số tiền bằng chuyển khoản cho bên B là: _____ đồng (Bằng chữ:)

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

Điều 10. Điều khoản chung của Hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng căn cứ vào biên bản nghiệm thu và các chứng từ liên quan làm cơ sở tính toán. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc hai bên cùng thống nhất bàn bạc giải quyết. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho nhau phải bồi thường vật chất theo luật hiện hành.

Điều 11. Kết luận

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong bản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì cùng bàn bạc thống nhất giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

- Sau khi hoàn thành gói thầu và có đầy đủ chứng từ thanh toán thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Điều 7. Trách nhiệm của mỗi bên

7.1. Trách nhiệm của bên A

Cử cán bộ kiểm tra, tiếp nhận cây trồng và phân bón, Phối hợp với bên B lập biên bản nghiệm thu khối lượng bàn giao cây trồng, phân bón và khối lượng trồng cây khi bên B thông báo hoàn thành công việc.

Phối hợp với bên B về nội dung công việc, thời gian thực hiện, địa điểm trồng cây.

Thanh toán đầy đủ cho bên B đúng thời hạn.

7.2. Trách nhiệm của bên B

Cung cấp hoá đơn, chứng từ hợp lệ cho bên A.

Bên B có trách nhiệm cung cấp cây giống và phân bón đảm bảo chất lượng và có trách nhiệm đổi lại cây giống, phân bón nếu không đảm bảo chất lượng như hai bên thỏa thuận. Thực hiện các trách nhiệm bảo hành kịp thời theo đúng cam kết khi bên A yêu cầu. Thời gian bảo hành cây là 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu.

Chịu trách nhiệm pháp lý về nguồn gốc xuất xứ của phân bón và cây trồng, dụng cụ.

Bên B phải trồng cây theo đúng quy cách và đảm bảo về chất lượng công việc. Nếu vi phạm về chất lượng công việc thì bên B phải làm lại và chịu toàn bộ chi phí, trường hợp không thể làm lại thì phải bồi thường toàn bộ phí tổn thiệt hại do công việc đó gây ra.

Khi vi phạm không đảm bảo tiến độ về yêu cầu thì phải chịu phạt số tiền công làm việc theo số lượng thiếu hụt so với tiến độ, thời gian ký kết nhân với đơn giá.

Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ về số lao động của mình quản lý, trả lương, BHXH, BHYT, BHTN và giải quyết các chế độ chính sách, trang bị bảo hộ lao động, phương tiện đưa đón người lao động vào khai trường làm việc, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Nếu để xảy ra tai nạn lao động do lỗi của người lao động thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Điều 8. Phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Trường hợp bên B tự ý hủy ngang hợp đồng thì hợp đồng sẽ bị hủy và bên A có quyền xử phạt với mức phạt 5% giá trị hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên nào vi phạm trách nhiệm mà gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh thiệt hại thực tế mà mình phải chịu.

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 02; 02a trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.